

A TỖ ĐẠT MA CÂU XÁ THÍCH LUẬN

QUYỂN 4

Phẩm 2: PHÂN BIỆT CĂN (PHẦN 3)

Đã trình bày hai thứ định xong. Vậy pháp nào là mạng?

Kệ nói: Sự sống tức là mạng.

Giải thích: Như thế này là sao? Trong Tạng A-tỳ-đạt-ma nói: Những gì là mạng căn? Nghĩa là sự sống của ba cõi. Sự việc này không phải có thể biết. Sự sống này là pháp nào?

Kệ nói: Công năng giữ thân hơi ấm và ý thức.

Giải thích: Bài kệ này là kệ do Đức Thế Tôn đã nói: Thọ, noãn (hơi ấm) và thức. Ba thứ này lúc từ bỏ thân, tức là ngủ, như cây khô không có ý. Thế nên, pháp này có công năng gìn giữ hơi ấm và thức. Do làm nhân của trụ nối tiếp nhau nên gọi là thọ.

Nếu vậy, có pháp riêng nào có công năng duy trì sự sống, hơi ấm và thức? Duy trì trở lại sự sống này?

Nếu vậy, cả ba pháp này vì hỗ tương gìn giữ, khởi, nên ở trong đó, pháp nào dứt diệt trước? Do sự dứt diệt của pháp ấy, nên pháp khác sẽ dứt diệt sau. Nếu chấp như thế này, thì lẽ ra phải lập ba pháp khởi luôn, không dứt diệt. Nghĩa này không đúng. Vì lẽ sự sống này là do nghiệp được duy trì, như nghiệp đã dẫn dắt tùy thuộc vào sinh, trụ nối tiếp nhau.

Nếu vậy, noãn này và thức vì sao không thừa nhận dùng nghiệp để duy trì? Đừng chấp các thức từ thủy đến chung đều là quả báo. Vì lẽ nếu như vậy, thì noãn này lẽ ra phải dùng nghiệp để duy trì, thức này lẽ ra phải dùng noãn để gìn giữ. Như vậy, thức ở cõi Vô sắc không có sự gìn giữ, vì xúc noãn không có. Thức này ở cõi Vô sắc kia do dùng nghiệp để duy trì, ông không thể tùy ý tạo ra.

Hoặc có thuyết nói: Noãn là do thức duy trì, hoặc nói nghiệp là thức gìn giữ. Trước đây, ông đã thừa nhận là thừa nhận gì? Chớ chấp

các thức từ thủy đến chung đều là quả báo.

Nếu vậy thì chỉ có thọ đối với hai thứ noãn, thức là duy trì. Ta cũng nói thọ này không thể không có, nhưng phải là vật thật riêng biệt. Vậy các ông muốn kiến lập thọ trên cơ sở pháp nào? Nên biết, thời điểm tồn tại dẫn dắt nghiệp trong ba cõi chính là tụ đồng phần. Vì sao? Vì tụ đồng phần này nhanh chóng hình thành tùy thuộc vào nghiệp đã tạo ở quá khứ. Điều ấy có nghĩa nó tồn tại đúng như thời điểm hiện tượng được thiết lập. Tụ đồng phần ấy hiện hữu như vậy nên gọi là thọ. Cũng như lúa nước v.v... đã đến lúc chín muồi. Tương tự như khi bắn mũi tên ra nếu có người cho vì tài đức người bắn khiến mũi tên tồn tại mãi trên không. Tùy vào tài đức này cho nên mũi tên sẽ đi mãi cho đến khi rơi xuống. Đối với người này tài đức ấy chỉ có một và không hề nghi ngại, nên đối với chỗ khác thì nhanh chóng thông thả đúng thời sai biệt không thành.

Nếu ông nói vì gió nên tài đức ấy bị ngăn ngại thì nghĩa này không đúng. Khi phóng tên, mũi tên ấy được rơi xuống đất hoặc không rơi xuống nhưng gió thì không khác.

Sư Tỳ-bà sa mạnh mẽ nói: Thọ này có vật chân thật riêng biệt. Nay vì do thọ mạng hoại diệt nên pháp khác thì nguyên do khác mà hoại diệt. Trong luận Giả danh nói: Có chết là do thọ mạng hoại diệt và phước đã tận. Nghĩa này đã có bốn trường hợp lý giải sau:

1. Do báo nghiệp thọ mạng đã tận diệt.
2. Do phước báo an vui giảm dần và đoạn tận.
3. Do hai nghiệp đã tận.
4. Do không xa lìa sự việc không bình đẳng v.v...

Nên biết, nếu thọ mạng đã tận thì phước nghiệp cũng đoạn tận. Vậy đó, về cái chết có khả năng gì? Phước nghiệp tận diệt thì sẽ đi đến tử vong. Thọ mạng hết rồi cũng tương tự như vậy. Do vậy, đối với hai thứ (thọ mạng và phước nghiệp) đã tận diệt đều gọi là hoại diệt.

Lại nữa, trong luận Phát Tuệ có nói: Thọ mạng nương vào sự tương tục mà khởi lên và tồn tại.

Luận kia đưa ra câu đáp: Chúng sinh trong Dục giới không nhập vào pháp quán định vô tâm và định vô tướng nên nói tùy thuộc vào sự tương tục mà sinh khởi. Nếu nhập vào hai pháp quán định này thì chúng sinh ở cõi Sắc và Vô sắc nên nói thọ mạng do có một sự sinh khởi mà tồn tại. Lời đáp này biểu lộ nghĩa gì? Nếu nương vào sự tổn hại thì thọ mạng cũng bị tổn hại. Thọ mạng này tùy thuộc vào sự tương tục mà sinh khởi. Đây là nghĩa của câu thứ nhất. Nếu thọ mạng không nương vào sự

tổn hại thì cứ như vậy mà khởi lên. Đây là nghĩa của câu thứ hai.

Câu thứ nhất, chỉ bày rõ có chương ngại.

Câu thứ hai, biểu thị rõ không có chương ngại.

Sư nước Kế Tân đã đưa ra nghĩa phán quyết như thế. Do vậy, có sự chết yếu oan uổng. Ở trong kinh nói: Thân chúng sinh đã được, có bốn thứ:

1. Có thân chúng sinh, trong đó, sự tự hại được thực hiện, nhưng đối với người khác không được thực hiện. Về nghĩa này có bốn luận chứng:

Chỉ tự hại được thực hiện: Ở trong cõi Dục, như chư thiên đùa bỡn, hay quên, chư thiên bị sân hận làm ô nhiễm. Hai vị trời này bị sự chi phối nặng nề của sân hận và mừng vui. Vì thế, từ xứ này bị đọa xuống cõi khác nhưng không phải do duyên khác mà do vì tự chết như chư Phật đã nói.

Chỉ hại người khác được thực hiện: Như thân ở trong thai, noãn.

Cả hai đều cùng hại: Phần nhiều ở cõi Dục.

Chẳng phải cả hai hại: Tất cả chúng sinh của trung ấm, tùy thuộc một nơi cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc. Như địa ngục, Bắc Cưu-lâu, từ bi của đạo kiến đế, định diệt tâm, quán định vô tướng, Vua, Tiên, Phật. Ấy là Đức Phật đã ghi nhận: Đạt-mị-la, Uất-đa-la, trưởng giả Cường-kỳ-la, bé Da-xá, Câu-ma-la-thời-bà v.v..., mẹ của tất cả Bồ-tát sinh sau, thời Bồ-tát ở thai, Chuyển luân vương, mẹ của Chuyển luân vương, lúc vua ở thai, trong đây đều cùng không phải cả hai hại.

Lại nữa, sao ở trong kinh lại nói lời này: Bà-đàn-đa, ở chúng sinh nào tự hại không thực hiện, hại người khác, cũng không thực hiện. Xá-lợi-phất! Chúng sinh thọ sinh ở Phi tướng, phi phi tướng.

Các sư giải thích: Đối với định khác và xứ Vô sắc khác. Tự hại, nghĩa là dựa vào Thánh đạo của địa mình. Hại người khác: Nướng tựa định phần gần của địa trên, ở trong đó không có hai hại này.

Nếu vậy, dựa vào Thánh đạo của địa người khác, ở Thánh đạo đó, lẽ ra trở thành hại người khác. Nếu không như vậy, thì nghĩa ấy thế nào?

Hoặc do nhận lấy sau, gồm cả làm sáng tỏ trước, hoặc do nhận lấy trước, gồm luôn việc chỉ rõ sau. Như kinh nói: Phạm-chúng-thiên là cõi trời sinh thú vui thứ nhất.

Nhận lấy sau, gồm cả làm sáng tỏ trước. Như kinh nói: Như trời Quang diệu, là cõi trời sinh thú vui thứ hai.

Đối với kinh kia, như nói: Chỉ rõ nghĩa thí dụ. Thế nên, ở kinh kia,

nghĩa này có thể đúng. Nghĩa là nhận lấy trước gồm luôn sau, nhận lấy sau gồm luôn trước. Vì sao? Vì là pháp thí dụ, do làm sáng tỏ một loại, loại khác so sánh có thể biết.

Trong câu hỏi này của Tôn giả Xá-lợi-phất không có nghĩa như lời nói. Thế nên, không thể dẫn kinh kia để làm chứng cho kinh này. Nếu ông chấp việc làm sáng tỏ thí dụ là nghĩa như lời nói, thì trong kinh này không nên có như lời nói. Kinh nói: Có các chúng sinh thân có dị biệt, tướng có dị biệt, như người và tùy thuộc một chư thiên. Thế nên phải biết, như lời nói, chỉ vì làm sáng tỏ, không vì thí dụ. Chớ quá nhiều lời.

Đã thuyết minh mạng sống xong

Kệ nói:

Lại có tướng hữu vi

Sinh, lão, trụ vô thường.

Giải thích: Pháp hữu vi là chỉ bốn tướng này. Nếu ở trong pháp nào có bốn tướng này, nên biết pháp đó là hữu vi. Trái với tướng ấy, tức là vô vi.

Sinh trong đây, nghĩa là công năng sinh pháp này.

Trụ, nghĩa là khả năng an lập pháp này.

Lão: Khả năng đổi khác nơi pháp này.

Vô thường: Khả năng diệt pháp này.

Vì không như đây ư? Như kinh nói: Có ba thứ hữu vi của pháp hữu vi. Nếu nói đầy đủ, ở trong kinh, nên nói tướng thứ tư. Trong kinh này không nói tướng nào là trụ. Nếu vậy, trong kinh này pháp nào là trụ, dị? Trụ, dị này là tên riêng của lão. Ví như khởi là tên riêng của sinh, diệt là tên riêng của vô thường; trụ, dị cũng thế, là tên riêng của lão.

Nếu các pháp có thể khởi, thì chính vì pháp hữu vi được thực hiện ở đời. Pháp này ở trong kinh, nói là tướng hữu vi, vì khởi tâm chán, sợ của người khác. Vì sao? Vì sinh, nghĩa là từ đời vị lai, có khả năng dẫn sinh pháp hữu vi, khiến nhập đời hiện tại.

Lão và vô thường có khả năng gây hao hụt sức của sự sinh kia. Từ đời hiện tại, sai khiến vào đời quá khứ. Ví như có người đang ở giữa cánh rừng rậm đầy chông gai, có ba oán gia:

1. Có khả năng ở trong khu rừng rậm, lôi kéo người kia ra ngoài.
2. Có khả năng làm hao hụt sức người kia.
3. Có năng lực dứt bỏ mạng người kia.

Ba tướng ở hữu vi cũng thế. Trụ: thấu tóm, gìn giữ pháp hữu vi, như muốn không xa lìa nhau. Vì thế, nên không lập trụ này là tướng

hữu vi.

Lại có pháp vô vi, vì trụ ở tự tướng, nên tướng trụ lẫn lộn nhau.

Có sự khác chấp: Trong kinh này nói trụ với lão hợp lại thành một nên nói ba tướng ấy đều như đây. Trụ này ở hữu vi là chỗ nương tựa vướng mắc của ái. Đức Phật đã chỉ rõ về trụ này, như ngôi vị vua tốt đẹp tương ứng với tai biến đột xuất.

Vì muốn cho người khác ở trong đó, không sinh ái vướng mắc, thế nên, hữu vi nhất định có bốn tướng.

Lại, có bốn tướng sinh v.v... hữu vi, lại có bốn tướng sinh v.v... riêng không?

Nói là có.

Kệ nói: Sinh sinh cùng tướng kia.

Giải thích: Kệ kia nói rõ bốn tướng gốc. Do các pháp vì có tướng gốc, nên thành hữu vi, tướng gốc cũng thế. Vì do tướng tùy thuộc, nên trở thành hữu vi, nên lập tướng gốc có bốn tướng đi theo, nghĩa là sinh sinh, trụ trụ, lão lão, vô thường vô thường.

Nếu vậy, theo mỗi một tướng đi theo tướng ứng lại có bốn tướng, sẽ có lỗi lầm vô cùng?

Tướng đi theo này vì lại lập tướng riêng, nên không có lỗi lầm vô cùng. Vì sao?

Kệ nói: Các tám sự một pháp.

Giải thích: Các tướng như đây có sự đối với tám pháp.

Pháp nào gọi là sự?

Công năng nhân công. Các tướng sinh sinh v.v..., chỉ có sự đối với một pháp.

Thế nào là như đây?

Tất cả pháp hữu vi, nếu sinh nhận lấy tự thể làm thứ chín thì tướng của gốc chung và tướng tùy theo là tám.

Sinh trong đây, nghĩa là ly khai tự thể có khả năng sinh tám pháp.

Sinh sinh: Chỉ sinh ra sinh gốc. Ví như gà mái sinh ra nhiều con. Có thể sinh một con, hay sinh hai con cũng thế.

Trụ: Là tự thể, có thể an lập tám pháp.

Trụ trụ: Chỉ an lập trụ gốc. Như lão này và vô thường, như nghĩa trước, nên hợp lại là một. Thế nên, không có lỗi lầm vô cùng.

Sư Kinh bộ nói: Lối chấp này tức là sự phá hư không. Vì sao? Vì các pháp sinh v.v... không phải là vật có thật, như ông đã phân biệt.

Làm sao biết được là chẳng phải vật có thật?

Vì vô lượng chứng cứ. Ở trong vật có thật của bốn tướng, không có tùy thuộc một lượng, nghĩa là chứng lượng, tử lượng, Thánh ngôn lượng. Ví như đối với các pháp sắc v.v...

Nếu vậy, sao trong kinh nói: Pháp hữu vi, nghĩa là nếu sự sinh có thể biết và diệt, trụ, dị có thể biết. Thiên-ái! Nay ông có thể tụng Già-lan-tha nhưng không hiểu nghĩa của Già-lan-tha. Phật, Thế Tôn nói: Nghĩa là lượng, không phải câu văn.

Gì là nghĩa?

Chúng sinh phạm phu bị mù lòa do vô minh, đối với trạng thái nối tiếp nhau của pháp hữu vi, chấp là ngã và ngã sở, rồi ở trong đó nảy sinh ái vương mắc.

Đức Thế Tôn vì dứt trừ tâm ái vương mắc của chúng sinh kia, đồng thời muốn chỉ rõ sự nối tiếp nhau của pháp hành là tướng mạo hữu vi và tướng duyên sinh, nên nói kinh này. Kinh nói: Có ba pháp hữu vi, tướng hữu vi, không phải vì biểu thị rõ bốn tướng hữu vi của một sát-na, là vật có thật. Nếu pháp không thể biết thì sẽ không thể lập làm tướng. Thế nên, thuyết trong kinh này nói: Nếu pháp hữu vi sinh thì có thể biết v.v...

Kinh nói: Chú trọng tên hữu vi, vì muốn cho người khác được biết tướng này, nên Phật chỉ rõ tánh hữu vi. Chớ như ở đây, vì biểu thị rõ pháp loại hữu vi, vì là “có” nên lập bốn tướng. Ví như con cò trắng ở chỗ có nước và đối với tướng mạo của đồng nữ đẹp xấu.

Trạng thái nối tiếp nhau trong đây, khởi đầu tiên, gọi là sinh, sau cùng dứt, gọi là diệt. Sự nối tiếp nhau này truyền đi, gọi là trụ. Sự khác biệt trước, sau, gọi là trụ, dị. Phật, Thế Tôn đã chỉ rõ về nghĩa này.

Căn cứ nơi Nan-đà nói: Nan-đà! Thiện nam! Khéo biết thọ sinh, khéo biết thọ trụ, dự định khéo biết thọ dứt diệt hết. Trong đây, kệ nói:

*Sinh, là đầu tiếp nối
Đoạn gọi diệt, trụ nối
Trụ, dị nối tiếp nhau
Là khác biệt trước, sau.*

Lại nữa, kệ nói:

*Chẳng từng có, gọi sinh
Nối tiếp trụ, vô thường
Đoạn trụ, dị nối tiếp
Nối tiếp trước sau khác.*

Lại nữa, kệ nói:

*Nếu pháp sát-na diệt Là
trụ, tức là diệt Thường
diệt này, thế nên Phân
biệt trụ, phi lý.*

Thế nên, quyết định dùng sự nối tiếp nhau làm trụ. Nếu chấp nghĩa như đây, là Tạng A-tỳ-đạt-ma giải thích: Tức là tương ưng đạo lý. Tạng A-tỳ-đạt-ma nói: Thế nào là trụ? Đã sinh pháp hữu vi không diệt.

Nghĩa này thế nào? Vì lẽ gì pháp sát-na diệt, đã sinh đều diệt?

Trong Luận Phát tuệ nói: Ở trong nhất tâm, pháp nào gọi là sinh? Nghĩa là đầu tiên khởi. Pháp nào gọi là diệt? Nghĩa là tử. Pháp nào gọi là trụ dị? Tức là lão. Trong văn luận này, chỉ nói là nhất tâm của tụ đồng phần. Ở trong tâm này là như trước.

Lại có sự giải thích riêng khác: Ở trong pháp hữu vi sát-na, nghĩa này cũng thành. Là phân biệt, có vật thể riêng. Làm sao thành? Tùy thuộc mỗi một sát-na, chưa có mà có, gọi là sinh, có rồi, không có, gọi là diệt, tương ưng với sát-na trước, sau, gọi là trụ. Đây kia không giống nhau, gọi là trụ, dị.

Nếu vậy, có pháp sinh không khác với nghĩa này là sao?

Mặc dù lại như đây, nhưng đều bị diệt.

Làm sao biết được?

Với sức mạnh ném, không ném, với sức yếu ném, ném vật kim cương v.v..., lâu nhanh lúc rút xuống, có sự khác biệt, nên sự khác biệt đối khác của bốn đại kia, thành lập.

Các pháp hữu vi không thể khác do đại khác biệt. Mặc dù lại dị biệt, nhưng vẫn biểu hiện rõ sự giống nhau.

Nếu vậy, tiếng sau cuối và sát-na của ánh sáng vào thời điểm Niết-bàn, là sáu nhập sau cuối. Vì sát-na sau cuối không có, nên không có tương trụ, dị. Thế nên, lập trụ, dị này làm tương hữu vi không cùng khắp.

Nếu không nói trụ là tương hữu vi thì sao lại nói là trụ, dị? Nếu pháp có trụ, thì pháp này tất nhiên sẽ có trụ, dị. Thế nên, thiết lập đều khắp.

Ở trong kinh này, nếu lược nói, thì Đức Thế Tôn đã chỉ rõ tương mạo của pháp hữu vi, tất nhiên như đây. Kinh nói: Hữu vi là tương mạo gì? Như trước kia chưa có, hiện nay có, có rồi lại không có, thì sự nối tiếp nhau của pháp này, được gọi là trụ. Trước, sau của sự nối tiếp nhau này không đồng, gọi là trụ, dị. Ở trong đó, dùng gì để lập vật sinh

v.v...?

Pháp này là đối tượng tướng, tức lập làm chủ thể tướng là sao? Tướng mạo của đại nhân không khác với đại nhân. Thế nào là lập làm tướng?

Đuôi nhận lãnh gót chân, sừng ở bò thành tướng mạo không khác với bò. Lại nữa, làm sao lập làm tướng mạo? Ví như chất cứng chắc v.v... là tướng mạo của đại địa v.v... với đất không khác. Lại, như sự bay lên là tướng khói. Do tướng này, nên ở chỗ xa biết có khói. Tướng này không khác với khói. Đối với đạo lý của tướng hữu vi cũng thế. Pháp hữu vi sắc v.v..., không do “Có” mà tướng hữu vi có thể là tướng (khả tướng).

Nếu người đã phân biệt rõ tự tánh, thì cho dù chưa hiểu tướng mạo khác biệt của sự nối tiếp nhau trước không có, sau có cũng có thể biết. Thế nên, do tánh hữu vi của tướng, bất khả tướng này.

Lại nữa, các tướng đối với pháp hữu vi, không phải có riêng vật thật. Nếu miễn cưỡng chấp các tướng sinh v.v... có vật thật riêng, thì lại là nghĩa phi lý nào mà hợp với trò đùa này. Vì sao? Vì là một pháp ở vào một thời điểm chánh sinh, chánh trụ, chánh lão, chánh diệt.

Thế nào là chánh?

Vì các tướng cùng khởi một lúc, nghĩa này không đúng, do lẽ sự khác biệt của công năng, nên sinh nghĩa là đang ở đời vị lai, sẽ được tạo ra công năng.

Làm sao biết được?

Do pháp đã sinh, vì không thể sinh. Nếu pháp sinh đã sinh xong, thì trụ v.v... đang ở hiện đời, được khởi công năng, là thời điểm pháp sinh, không phải trụ, lão, vô thường trong thời điểm này. Về nghĩa này, nên tư duy xét lường chung. Pháp vị lai là có, là không có tức về sau, có thể sinh, không thể sinh, nghĩa này nên thành lập.

Nếu pháp này có trong nó công năng tạo ra sự sinh, thì pháp này làm sao, trở thành vị lai? Lẽ ra phải nói là tướng vị lai của pháp ấy. Công năng đã dứt, thể đã sinh, làm sao trở thành hiện tại? Lẽ ra cũng phải nói là tướng hiện tại và trụ v.v... đều có mặt trong công năng này. Tướng trụ, lão, diệt của pháp này ở trong một sát-na, đều cùng thành lập. Vì sao? Vì là thời điểm trụ thích đáng, an lập pháp này, là thời điểm lão đối khác pháp này, là thời điểm vô thường, diệt pháp này.

Ở một thời điểm, pháp này vì là trụ, hay vì là lão, hay vì là diệt?

Có người khác nói: Công năng của các tướng trụ v.v..., theo thứ lớp không thể đều cùng lúc có. Đối với người này, thì mất đi nghĩa diệt

của sát-na.

Nếu ông nói: Ta lập sát-na thì như công năng của bốn tướng này sẽ được thành, gọi một sát-na.

Nếu vậy, trụ với hai pháp còn lại đều cùng khởi, pháp tạm an lập trước đây là lão không đổi khác, vô thường không diệt. Nghĩa này làm sao thành?

Do sức trụ mạnh mẽ.

Thế nào là trụ có sức mạnh?

Do vô thường diệt trụ, và công năng của pháp gốc trụ đã khởi, không thể khởi lại, cũng như sinh rồi, không thể khởi lại công năng sinh. Nghĩa này hợp lý. Vì sao? Vì pháp sinh đã sinh xong, dẫn đến hiện tại, không có nghĩa dẫn sinh lại. Nghĩa này có thể đúng. Trụ của pháp này đã an lập, có thể an lập vĩnh viễn. Nếu không thể an lập thì không phải đạo lý.

Pháp nào làm trở ngại hay lão, vô thường là trở ngại?

Nếu hai thứ này có sức, lẽ ra phải được thành lập ở trước, nếu công năng của trụ đã dứt. Hai thứ này cũng không trụ. Pháp gốc cũng thế.

Thế nào là tạo lập công năng? Tạo ra công năng ở xứ nào?

Hai thứ này lại đâu có sự việc riêng nào có thể tạo. Vì sao? Vì do thuộc về trụ, nên pháp chỉ sinh tức là không diệt. Nếu trụ đã buông bỏ, thì quyết định sẽ không trụ, tức là pháp này diệt.

Thế nên hai thứ này không có sự việc nào có thể làm. Nghĩa này theo giả thuyết có thể đúng. Vì một pháp này là sinh, chưa diệt, thì lập tên trụ, diệt, gọi là lão, vô thường. Tất cả chủng loại ở trong một pháp không thể thành. Vì sao? Vì lão, nghĩa là trước, sau không đồng và đổi khác. Từ pháp này, loại khác của pháp này không nên thành.

Trong đây nói kệ:

Nếu như trước không già

Nếu khác, không pháp trước

Thế nên ở một pháp

Tướng lão không được thành.

Có bộ khác nói: Vô thường, nhân duyên diệt đạt đến, có thể diệt pháp gốc. Đối với bộ kia, nghĩa này lẽ ra phải đạt đến, nghĩa là uống thuốc rồi, sáng hôm sau, sẽ được khỏe, đâu cần dùng phân diệt vô thường. Từ nhân tố của việc này, tự nó đủ để lập diệt. Tâm và tâm pháp do tin sát-na diệt trạng mạo vô thường của tâm và tâm pháp này nên không cần xem nhân duyên diệt. Trụ và vô thường không phải ở vào

thời điểm riêng, mà đều cùng tạo ra công năng. Thế nên một pháp ở trong một thời điểm, lẽ ra phải lập trụ, diệt, đều cùng thành.

Do đó căn cứ ở trạng thái nối tiếp nhau, Đức Thế Tôn nói trạng mạo của pháp hữu vi. Nếu căn cứ nghĩa này, thì kinh kia đã khéo lập.

Lại nữa, nếu sinh ở vị lai có thể sinh, tức pháp phải sinh ra pháp, sao tất cả pháp vị lai không cùng khởi trong một thời điểm? Do nghĩa này, nên kệ nói:

Sinh, có thể sinh, phải sinh

Chúng đều không rời nhân và duyên.

Giải thích: Nếu lia nhân duyên hòa hợp, tất nhiên sự sinh không thể sinh, nên pháp vị lai không đều cùng khởi.

Nếu vậy, chúng ta đều thấy đây là công năng của nhân duyên. Nếu có hòa hợp, thì có sinh nếu không có hòa hợp, thì không có sinh. Sinh không thể sinh, phải sinh cần phải thừa nhận chúng chỉ nhân duyên có thể sinh.

Nếu tất cả có, làm sao có thể biết? Nghĩa là pháp này đã sinh, trí này không nên có, hoặc sinh thật sự không có. Lại nữa, lời nói tương ứng, cũng không nên thành, nghĩa là nhà sắc sinh.

Nếu như ông đã chấp, lẽ ra phải nói là sắc của nhà sắc, cho đến lão, tử, như lý, nên theo thứ lớp thuyết minh. Do vậy, thì ông nên thừa nhận nghĩa vô ngã cũng thế. Về số lượng đều lia tánh có của đây, kia. Những sự việc như đây, đều do ngoại đạo đã lập, nói là vật có thật. Các ông lẽ ra cũng tin, nhận. Vì sao? Vì thành lập một tvật sở hữu tụ lại là lớn, phân tán là nhỏ riêng biệt bằng với trí. Lại, vì thành tựu lời nói tương ứng, như nói đồng tụ sắc, thì làm sao thành lập là tự tánh của sắc? Thế nên, sinh v.v... này chỉ giả danh lập. Vì chỉ rõ nghĩa chưa có, mà có, nên giả thuyết gọi là sinh. Sự sinh này trước đây chưa có, nay có là tương, có nhiều chủng loại. Vì phân biệt khác nhau về chủng loại, nên căn cứ sắc, nói sinh, tạo ra lời nói tương ứng, nghĩa là sắc sinh. Vì khiến cho biết sự sinh này chỉ sắc, không phải pháp khác, như nói Chiên-đàn sinh hương thơm Chiên-đàn v.v... Lại, như thể của đứa con bằng đá, như trước kia đã biện luận. Sinh trụ v.v... như lý, nên biết cũng thế.

Nếu pháp rời ngoài tướng sinh mà được sinh, thì sao pháp vô vi “không” v.v... không sinh. Theo ông hiểu không sinh, nghĩa là chưa có, mới có, đây gọi là sinh, thì vô vi là thường có sao được sinh? Nếu do pháp vốn vậy, (pháp nhĩ) thì ông đã thừa nhận tất cả pháp đều không có sinh. Như đây, tức là tất cả không sinh, sao ông không chấp như thế? Như tất cả hữu vi đều đồng có sinh, nhân duyên hữu dư (tương

đối) là sinh, pháp riêng thì không có công năng. Như hết thủy nhân duyên này đều là sinh. Vô vi thì không có công năng, do đối với sự sinh không đồng, thế nên sư Tỳ-bà-sa nói: Bốn tướng sinh v.v... thật sự có vật riêng. Vì sao? Vì không thể do có kẻ vẩn nạn, cố ý trái bỏ các kinh A-hàm, như vì có nai, nên không trồng lúa mì. Lại như vì có nhiều ruồi nặng đeo bám, nên không ăn quả. Thế nên, ở trong sự lỗi lầm, cần phải khởi đối trị, như bản tất-đàn, tùy thuận tu hành.

Đã thuyết minh tám tướng xong. Những gì gọi là tụ?

Kệ nói

*Tụ danh, câu, và chữ
Là nói văn, tập chung.*

Giải thích: Danh trong đây, nghĩa là hiệu được lập, như sắc, thanh v.v... Câu, nghĩa là lời nói được lập. Tùy theo lượng, có thể thành tựu nghĩa mà mình định thuyết minh. Như nói hữu vi đều vô thường, như thị v.v...Nếu vào thời điểm do sự nói năng này mà sự việc được biểu hiện rõ sự khác biệt tương ứng, thì ngôn từ này, được gọi là câu.

Như kệ nói:

*Bạn lành, một lúc gặp
Chữ tức không văn nghĩa
Như a a cùng y y
Vì không như đây chẳng?*

Chữ: Tên riêng của phần loại sách. Nếu không vì nói rõ phần loại sách, nên tạo lập chữ. Vì biểu thị rõ chữ, nên tạo lập phần loại sách. Nếu không nghe nói chữ, thì chữ này sẽ do phương tiện sách.

Làm sao biết được?

Vì khiến cho biết, nên lập ra phần loại sách, chứ không phải là tên của phần loại sách, mà là ba danh v.v..., mỗi thứ đều họp chung, gọi là tụ.

Gọi tụ trong đây, nghĩa là như sắc, thanh, hương, vị, xúc v.v...

Tụ câu: như: Tất cả hữu vi vô thường, tất cả pháp vô ngã, Niết-bàn tĩnh lặng, Như thị v.v...

Tụ chữ như Ca-khư-già, Già-ngạ v.v... là không như đây chẳng?

Đây đồng gọi là tụ do ngôn thuyết là thể, tức là tính chất âm thanh thuộc tự tánh sắc.

Sao nói là pháp tâm bất tương ứng?

Pháp này không dùng lời nói làm tánh. Vì sao? Vì âm thanh tức là ngôn thuyết, lời nói chỉ do các nghĩa âm thanh có thể hiểu.

Làm sao có thể hiểu?

Âm thanh khởi nơi danh. Danh có thể biểu thị rõ nghĩa: danh không chỉ âm thanh gọi là nói. Nếu do nghĩa của âm thanh này mà có thể biết rõ thì âm thanh ấy gọi là nói năng. Do âm thanh, mà nghĩa có thể hiểu nếu người thuyết minh ở trong nghĩa đã lập chung pháp quyết định. Ví như âm thanh cù, đối với chín nghĩa, đã lập pháp quyết định, như kệ nơi luận Ni Lục Đa nói:

*Ngôn, phươg, đạ, sáng, bò
Nước trời, mắt, kim cương
Với chín thứ nghĩa này
Người trí nói tên Cù.*

Nếu người tạo ra lối chấp như đây nghĩa là cho danh có thể biểu thị rõ nghĩa, người này lẽ ra cũng tin nhận nghĩa ấy, hoặc danh đối với nghĩa đã quyết định lập rõ, hoặc dùng danh để làm rõ nghĩa. Nếu do chỉ lập âm thanh nơi nghĩa quyết lập công dụng này được thành, đâu có dùng để lập danh, thật có pháp riêng mà nghĩa này không thể biết.

Thế nào là âm thanh khởi ở danh, vì âm thanh sinh ra danh?

Nói khởi, vì làm sáng tỏ danh, nói khởi như sinh, nghĩa là ngôn ngữ dùng âm thanh làm tự tánh, nên phải sinh tất cả danh, chỉ dùng âm thanh làm thể.

Lại nữa, sự khác biệt của âm thanh này, như ông đã thừa nhận, có thể sinh khởi danh, chỉ với danh này có thể làm rõ nghĩa. Nếu làm rõ nghĩa là ngôn ngữ vì dùng âm thanh làm tự tánh, thì lẽ ra tất cả danh rõ rệt, chỉ âm thanh làm thể.

Lại nữa, sự khác biệt của âm thanh này, như ông đã thừa nhận, có công năng hiển bày rõ danh, thì chỉ nên với công năng này, có thể làm rõ nghĩa, thì đâu cần dùng chấp có pháp riêng là danh.

Lại nữa, các âm thanh khi không có tụ tập, mà từng phần của một pháp sinh thì nghĩa này không hợp lý. Nếu chấp ngôn ngữ có thể sinh ra danh, thì công năng sinh ra danh thế nào? Làm sao quán sát-na của biểu sắc quá khứ? Sát-na của biểu sắc sau cuối có thể sinh vô biểu sắc. Nếu vậy, vì cái danh sanh ở âm thanh sau cuối cho nên người chỉ nghe một tiếng sau cuối, thì người ấy có thể biết rõ nghĩa này? Nếu ông chấp như âm thanh này sinh chữ, chữ sinh danh, thì trong đây cũng giống như vấn nạn trước, chữ không có nghĩa tụ tập.

Nếu nói âm thanh làm rõ chữ thì trong đây cũng đồng với vấn nạn mà ông đã lập trước, là chữ khác với âm thanh. Người thông tuệ với tâm an tĩnh, căn cứ ở tướng mạo khác, cũng không thể phân biệt. Thế nên, không thể chấp âm thanh có thể sinh và có thể làm rõ chữ.

Lại nữa, nếu ông thừa nhận danh với nghĩa, phải đều cùng tương ứng, cũng như sinh v.v... Trong đây, nghĩa quá khứ vị lai, với danh hiện thời không nên có. Làm sao cha tùy ý mang tên con, làm sao danh với pháp vô vi đều cùng khởi?

Thế nên, lối chấp này của ông không thành chánh thuật. Vì Phật Thế Tôn đã nói:

*Dựa vào danh, Già-tha thành
Công chế tạo Già-tha.*

Trong kệ này, về nghĩa đã lập pháp quyết định. Âm thanh gọi là danh. Các danh được trang sức riêng, gọi là Già-tha. Sự trang sức này tức dựa vào danh để trang sức, là chế tạo đặt để sự khác biệt, không có vật riêng. Ví như thứ lớp vật hành và tâm.

Lại nữa, chỉ phân biệt ở trong chữ, có vật riêng. Chữ v.v... này họp chung, nói là tụ danh, tụ câu, tụ chữ. Danh, câu, chữ này chỉ giả thuyết, không có công dụng thích đáng.

Sư Tỳ-bà-sa thuyết minh: Thật sự có dùng hành bất tương ứng làm tánh, nghĩa là tụ danh, câu, chữ. Vì sao? Vì không phải tất cả pháp đều là do tư duy giác, quán có thể biết rõ. Hành bất tương ứng gọi là tụ v.v... Tương ứng ở trong cõi nào? Vì là danh của chúng sinh, hay vì là danh của phi chúng sinh? Vì quả báo sinh hay vì tăng trưởng sinh? Vì đẳng lưu sinh hay vì thiện, ác, vô ký?

Các câu hỏi trên đây nên đáp.

Kệ nói:

*Số chúng sinh nơi dục, sắc
Đẳng lưu, vô ký, cũng vậy.*

Giải thích: Có sinh v.v... tương ứng với cõi Dục và tương ứng với cõi Sắc.

Cũng có thuyết nói: Tương ứng với cõi Vô sắc. Danh này không thể nói năng, chỉ tư duy. Danh v.v... ở đây, tức danh của chúng sinh. Nếu người có thể làm rõ danh này, thì người ấy sẽ tương ứng với cõi đó. Không phải nghĩa đã được làm rõ. Danh này chỉ quả đẳng lưu là vô phú vô ký.

Nói cũng như vậy nghĩa là như gọi chúng sinh tụ v.v..., gọi là quả đẳng lưu vô phú vô ký. Tụ đồng phần cũng như thế.

Kệ nói:

*Đồng phần cũng quả báo
Là hữu của ba cõi.*

Giải thích: Lại, đây cũng là quả của quả báo, không chỉ là quả

đẳng lưu, đây là chỉ chung cho hữu của ba cõi: hoặc hữu của cõi Dục, hoặc cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Kệ nói: Đạt đến hai.

Giải thích: Đắc đạt đến có hai thứ: hoặc quả đẳng lưu, hoặc quả của quả báo.

Kệ nói: Các tướng cũng vậy.

Giải thích: Các tướng sanh v.v... cũng có. Hai thứ như đắc đạt đến.

Kệ nói: Hai định không phải đạt đến cũng đẳng lưu.

Giải thích: Nghĩa là định vô tướng, định vô tâm và phi định. Ba thứ này của đắc đạt đến, hoàn toàn là quả đẳng lưu. Ở đó có pháp khác, nên phải nói là pháp khác, nghĩa là hữu vô tướng và thọ mạng (ở trước đã thuyết minh, nên không nói lại).

Sao đắc đạt đến là tên của chúng sinh?

Vì lẽ nói là tương ứng của chúng sinh.

Nói các tướng là sao?

Hữu là tên chúng sinh, cũng là tên của phi chúng sinh, vì đều cùng khởi với tất cả pháp hữu vi.

Đã thuyết minh tất cả pháp phi tương ứng xong. Trước đây, kệ đã nói, nghĩa này là sinh có thể sinh, nên sinh, không rời nhân và duyên.

Trong đây, pháp nào gọi là nhân? Pháp nào gọi là duyên?

Kệ nói:

Tùy tạo và Câu hữu

Đồng loại và Tương ứng

Biến hành với Quả báo

Lập nhân có sáu thứ.

Giải thích: Nhân có sáu thứ:

1. Nhân tùy tạo.
2. Nhân câu hữu.
3. Nhân đồng loại.
4. Nhân tương ứng.
5. Nhân biến hành.
6. Nhân quả báo.

Tướng mạo của nhân Tùy tạo trong đây thế nào?

Kệ nói: Trừ tự nó, còn lại là tùy tạo.

Giải thích: Là tự thể, dùng tất cả pháp làm nhân tùy tạo, mà sinh ra các pháp hữu vi.

Đối với sinh, trụ kia vì không bị chướng ngại, hay vì không như

đây?

Nếu người không hiểu các hoặc thì tương lai sẽ sinh. Vì do đã biết, nên hoặc này không được sinh. Trí này có thể gây chướng ngại trong sự sinh của hoặc kia. Như ánh sáng mặt trời có công năng tạo ra chướng ngại đối với người trông thấy ánh sao?

Tất cả pháp lìa tự thể, đối với pháp hữu vi, lập làm nhân tùy tạo là sao?

Trong đây, nên biết, ngay khi pháp sắp khởi, vì không thể gây trở ngại cho sự sinh, nên lập làm nhân tùy tạo. Ở trong sự sinh của pháp khác, các pháp có khả năng làm trở ngại, nhưng vì không trở ngại, nên lập làm nhân tùy tạo. Nhân này cũng có thể như thế. Thí dụ như ông chủ đất có sức mạnh, không bị sĩ phu áp bức, gây tổn hại, nói: Chúng tôi do chủ đất này, nên được yên vui. Nếu chủ đất không có thế lực, bị trở ngại, làm sao thành lập nhân tùy tạo? Lại, như Niết-bàn và pháp định vô sinh, ở trong tất cả pháp sinh, và ấm địa ngục v.v..., ở trong sinh ấm cõi Vô sắc, đều không có sức gây trở ngại, làm sao thành lập nhân tùy tạo. Vì sao? Vì nếu cõi Vô sắc kia không phải có, giống như có, thì không thể làm sự chướng ngại. Nếu chủ đất không có sức thì cũng có như thuyết trước đã nói. Trong đây là thí dụ, là thuyết minh chung. Nếu nhân tùy tạo mạnh, thì không những không bị ngăn ngại, mà còn lực có thể sinh, như nhãn căn và sắc ở trong nhãn thức sinh, uống ăn ở nơi thân, ruộng v.v... ở mầm mạ.

Nếu có người tạo ra vấn nạn như đây, tất cả pháp do không thể ngăn ngại, nên đều thành nhân đối với pháp khác. Thế nào là tất cả pháp sinh không đều cùng có? Ở trong sự sát sinh, như kẻ giết, làm sao tất cả không chung, mà đồng đắc tội.

Đây không thành vấn nạn. Vì sao? Vì do lập tất cả pháp không thể ngăn cản pháp khác sinh, nên gọi là nhân tùy tạo mà không do chủ thể tạo tác, nên lập nhân tùy tạo.

Có sư khác nói: Tất cả nhân tùy tạo đều có công sức đối với tất cả pháp. Thí dụ như Niết-bàn đối với nhãn thức, làm sao có công sức? Vì Niết-bàn là cảnh giới của ý thức được nảy sinh, hoặc thiện, hoặc ác. Nhân thứ lớp này, mới sinh nhãn thức. Do nhân duyên liên tục sinh khởi, Niết-bàn đối với những thức cũng có phần nhân duyên, nên có công sức. Đối với pháp khác, cũng nên biết như đây. Đây là phương hướng của pháp kia.

Đã thuyết minh nhân tùy tạo xong. Tướng của nhân câu hữu là thế nào?

Kệ nói: Câu hữu cùng làm quả.

Giải thích: Nếu pháp ở đây, ở kia cùng nhau làm quả, thì pháp này đắp đổi làm nhân câu hữu.

Thí dụ về loại nào thế nào?

Kệ nói:

*Như đại tâm, tâm pháp,
Tùy tướng, tướng của tâm.*

Giải thích: Ví như bốn đại địa v.v..., đây, kia làm nhân lẫn nhau. Tâm đối với pháp tùy tâm, pháp tùy tâm đối với tâm. Tướng hữu vi đối với pháp hữu vi, pháp hữu vi đối với tướng hữu vi. Nếu lập nghĩa như vậy, thì tất cả hữu vi như lý đều sẽ trở thành nhân câu hữu. Nếu lìa, lại làm quả lẫn nhau, nghĩa là pháp đối với tướng tùy thuộc là nhân câu hữu. Tướng tùy thuộc đối với pháp là không phải thích ứng thấu tóm nghĩa như thế.

Pháp nào được gọi là tùy tâm?

Kệ nói:

*Tâm, pháp và hai hộ
Các tướng, tâm pháp kia
Đây gọi pháp tùy tâm.*

Giải thích: Pháp tùy tâm: Tất cả pháp tương ứng với tâm, định, giới và giới vô lưu. Pháp như thế v.v..., tướng sinh v.v..., tâm pháp này vì là pháp nội tại, nên nói là pháp tùy tâm.

Pháp này tùy tâm sinh là sao?

Nếu lược nói, kệ nêu: Quả thời gian là thiện v.v...

Giải thích: Căn cứ ở thời gian, có bốn thứ, nghĩa là đều cùng sinh, đều cùng trụ, đều cùng diệt với tâm và tùy thuộc đồng một đời trong ba cõi.

Tùy thuộc quả. Nghĩa là đồng với quả của công sức, (Sĩ dụng quả) quả quả báo, quả đẳng lưu.

Tùy thuộc thiện v.v... Nếu tâm thiện, ác, vô ký, thì tâm pháp đồng tùy thuộc tâm, cũng là thiện ác, vô ký. Như ở đây, do mười thứ nhân, nói là pháp tùy tâm, trong ấy, nếu tâm rất ít thì sẽ làm nhân câu hữu cho năm mươi tám pháp. Năm mươi tám là mười đại địa, bốn mươi tướng gốc, từ tướng gốc, và tướng tùy thuộc là tám, làm nhân câu hữu cho năm mươi bốn pháp của tâm này, trừ bốn tướng tùy thuộc.

Sư khác nói: Chỉ có mười bốn là mười pháp đại địa, và bốn tướng gốc của chính nó.

Sư Tỳ-bà-sa không lập nghĩa này, vì nếu lập như đây, sẽ trái với

luận Phân biệt đạo lý. Như luận nói: Có pháp dùng thân kiến làm nhân, không làm nhân của thân kiến, trừ thân kiến và sinh, lão, trụ, diệt, pháp tương ứng của thân kiến. Nếu có khổ đế nhiệm ô khác, thì sẽ dùng thân kiến làm nhân, cũng tạo ra nhân của thân kiến, là pháp khác.

Có sư khác nói: Trừ câu văn này, nghĩa là tướng sinh v.v..., pháp tương ứng với thân kiến.

Sư nước Kế Tân nói: Sư kia cần phải đọc câu văn này, hoặc do nghĩa nên ghi nhớ câu văn ấy. Nếu pháp do nhân câu hữu, nhân pháp này, tất nhiên đều cùng có. Nếu pháp đều cùng có, thì pháp này hoặc không phải đều cùng có nhân, nghĩa là tướng tùy thuộc ở trong pháp. Tướng tùy thuộc này đối với đồng loại pháp tùy thuộc tâm, tướng tùy thuộc nơi tâm. Tướng tùy thuộc này đối với đồng loại, đã tạo ra sắc có ngăn ngại. Đối với sắc được tạo của đồng loại, đối với đắc đạt đến của bốn đại, đều cùng khởi đối với đắc đạt đến của hữu.

Pháp như thế v.v... mặc dù đều cùng khởi, nhưng không phải đều cùng có nhân. Vì sao? Vì không phải một quả, một báo, một lưu. Đắc đạt đến này với pháp đắc của hữu, hoặc không đều cùng khởi, nghĩa là hoặc sinh ở trước, hoặc sinh ở sau. Tất cả như đây, nay, và lại thừa nhận, nhưng pháp khác chủng tử v.v... đều rõ, sáng ở trong nhân quả, chưa từng thấy như đạo lý này. Về nghĩa này, nên thuyết minh: Thế nào là các pháp đều cùng khởi một thời điểm chung, làm nhân quả lẫn nhau không thể. Không có lý này. Thí dụ như ngọn đèn với ánh sáng lẫn với bóng làm nhân quả lẫn nhau. Về nghĩa này, nên nói rõ về nghĩa “chung”: vì đèn là nhân của ánh sáng, vì trước đó đã có nhân hình thành tụ tập trong chỗ phát sinh ánh sáng chung ở đèn. Về nghĩa này chưa được hợp lý. Vì sao? Vì do đạo lý này, nghĩa là ở đây tự hiện: vì tùy thuộc ở có, không có, nên người phân biệt rõ về nhân, quả, thuyết giảng về tướng nhân quả này: Nếu pháp ấy có, không có, thì pháp kia sẽ thuộc có, không có. Pháp này quyết định là nhân, pháp kia quyết định là quả, đều cùng có trong các pháp. Do tùy thuộc ở một pháp không có, thì pháp khác đều không có, tùy thuộc ở một pháp có, đương nhiên, các pháp khác đều có, nghĩa nhân quả được thành lập, đều cùng khởi nhân, quả. Nghĩa này có thể hiển nhiên.

Làm nhân quả lẫn nhau, về nghĩa này thế nào?

Do nghĩa này, nếu đã tạo ra ngăn ấy sắc có chất ngại, nhất định không rời nhau. Đối với đồng loại, lại với nghĩa hỗ tương cũng thế, với nghĩa bốn đại ở đây lẽ ra lại đồng. Tướng v.v... tùy thuộc tâm, đối với tâm v.v... cũng thế. Như ba chiếc gậy, vì có lực nâng đỡ lẫn nhau, nên

đứng vững. Nghĩa nhân, quả của các pháp đều cùng khởi được thành lập cũng thế.

Lối chấp này, càng cần phải tư duy, xét lường. Ba chiếc gậy này là do lực đều cùng khởi, nên đứng được. Vì do sức tụ tập trước nên trụ. Trong đây, cũng có vật riêng, nghĩa là dây, đỉnh, đất, có công năng gắn gũ.

Có nhân khác, nghĩa là nhân đồng loại v.v... Cho nên nhân câu hữu được nên đều cùng có nhân thành lập.

Tướng của nhân đồng loại ra sao?

Kệ nói: Nhân đồng loại tương tự.

Giải thích: Pháp đồng loại này đối với pháp đồng loại là nhân đồng loại. Như năm ấm thiện là nhân đồng loại đối với năm ấm thiện, có nhiễm ô đối với nhiễm ô, có vô ký đối với vô ký cũng thế. Sắc là vô ký. Bốn ấm trong năm ấm, không phải là nhân đồng loại của sắc.

Sư khác nói: Kha-la-la đối với mười vị Kha-la-la v.v... là nhân đồng loại, Át-phù-đà đối với Át-phù-đà v.v..., như đây với như đây lia trước, mỗi mỗi ở trong đồng phần của một tụ là nhân đồng loại, ở trong đồng loại khác là mười vị, đối với mười vị cũng thế. Đối với loài vật ngoài cũng thế, như lúa mì đối với lúa mì, xá-lợi, lúa đối với xá-lợi, lúa. Những thứ như đây, nên tư duy, xét lường rộng.

Nếu có người không thừa nhận sắc là nhân đồng loại của sắc, thì câu văn này tức trái với ý mà người kia đã thừa nhận. Nghĩa là bốn đại trước là nhân của bốn đại sau, cũng là tăng tượng duyên.

Tất cả pháp tương tự ở trong pháp tương tự đều là nhân đồng loại không? Thuyết không phải là gì?

Kệ nói: Tự bộ, địa.

Giải thích: Tự bộ có năm thứ: đối tượng diệt của kiến khổ cho đến đối tượng diệt của tu đạo.

Địa có chín thứ: cõi Dục một, bốn định, bốn Vô sắc. Trong đây, pháp, đối tượng diệt của kiến khổ, ở trong pháp, đối tượng diệt của kiến khổ là nhân đồng loại, không phải đối với pháp khác, cho đến pháp, đối tượng diệt của tu đạo, cũng thế.

Nếu pháp cõi Dục kia là nhân đồng loại đối với pháp cõi Dục, thì địa sơ định, đối với địa sơ định, cho đến địa của định thứ tư đối với địa định thứ tư, đối với địa khác cũng vậy.

Nhân đồng loại này không phải tất cả pháp là sao?

Kệ nói: Sinh trước kia.

Giải thích: Nếu pháp đồng loại mà trước kia đã sinh, thì đối với

pháp đã sinh sau và chưa sinh, là nhân đồng loại. Nếu định vị lai, thì không phải là nhân đồng loại. Nghĩa này từ đâu đến? Từ Tạng A-tỳ-đạt-ma đến. Tạng kia đã nói thế nào là nhân đồng loại? Căn thiện đã sinh trước kia, đối với căn thiện sinh sau và tương ứng với căn thiện kia. Pháp đối với bộ mình, địa mình, do nhân đồng loại trở thành nhân. Như đây, nếu quá khứ đối với quá khứ, hiện tại, nếu quá khứ, hiện tại đối với vị lai, nên nói như thế. Đây cũng là câu văn của Tạng A-tỳ-đạt-ma. Tạng kia nêu: Nếu pháp ấy trở thành nhân đối với pháp này, đôi khi pháp ấy không trở thành nhân đối với pháp này không? Tạng kia đáp: Không có lúc nào không phải nhân, căn cứ ở nhân câu hữu, nhân tương ứng, nhân quả báo nên nói thế. Do đó không mâu thuẫn với câu văn kia.

Nếu người chấp như thế này: Các pháp vị lai ở trong phần vị đang sinh, quyết định sẽ trở thành nhân đồng loại. Thế nên, căn cứ ở phần vị sau cuối để nói lên lời này, có nghĩa không có lúc nào không phải là nhân. Đối với lối chấp trước kia của người này, về nghĩa bào chữa không thành, do lẽ pháp này ở phần vị đang sinh trước đây, đã chưa tạo ra nhân đồng loại, mãi về sau này mới trở thành nhân.

Trong câu hỏi này nói: Nếu pháp ấy sẽ trở thành duyên thứ lớp đối với pháp này, thì có khi pháp này không phải là duyên thứ lớp đối với pháp ấy, không do sự phân biệt trước kia, có thể được nói như vậy: Không có lúc nào không phải là duyên.

Nói như thế là sao?

Nghĩa là nếu pháp này không sinh, vì biểu thị sáng tỏ hai môn, nên nói lên lời nói này. Như ở chỗ kia, hay ở nơi này cũng vậy, như ở chỗ này, hay ở nơi khác cũng vậy.

Nếu vậy sẽ được công đức gì?

Nếu như vậy, đoạn văn này chứng tỏ pháp chủ không phải là người thông tuệ, tức là nghĩa trong đây vượt trội hơn nghĩa bào chữa trước kia.

Hơn nữa, nếu vậy sao lại thuyết minh văn này?

Vì dứt trừ thân kiến vị lai và khổ để tương ứng với thân kiến, khổ của nhiễm ô khác, đây là lấy thân kiến làm nhân, không phải là nhân của thân kiến, là đã bỏ đi sự nhiễm ô này, tùy thân kiến làm nhân, cũng vừa là nhân của thân kiến.

Về phần dứt trừ thân kiến vị lai và khổ để tương ứng với thân kiến, nên tạo ra câu văn như đây: Nếu không hành văn mà do nghĩa, nên nhớ biết câu văn như vậy.

Nếu vậy, đoạn này sẽ được gọi là câu văn luận thế nào?

Tạng A-tỳ-đạt-ma đã nói: Tất cả pháp đều được quyết định bốn nghĩa ở trong bốn nghĩa, tức là: nhân, quả, y, cảnh. Trong đây, nhân nghĩa là nhân tương ưng, quả tức là quả công sức và quả tăng thượng, y là căn nhân v.v..., cảnh: thần sắc v.v...

Nếu vậy, nhân đồng loại là nhân mà trước kia chưa thành nhân, về sau mới thành nhân, nghĩa này tự đạt đến?

Đây là căn cứ ở phần vị để thừa nhận như thế, chứ không phải là căn cứ ở vật. Vì sao? Vì sự tụ tập là quả của phần vị, không phải là quả của vật. Nếu là nhân đồng loại thì sẽ trở thành nhân ở đời vị lai, như nhân của quả báo, đâu đã có?

Trong A-tỳ-đạt-ma Phát tuệ nói: Về nhân đồng loại này, cần phải được biểu hiện rõ. Lối chấp này chưa có thể hợp lý. Vì sao? Vì nhân đồng loại này vốn đã có công năng nhận lấy quả và cho quả. Nhân này đã được thị hiện rõ ràng trong A-tỳ-đạt-ma, không phải luận nào khác, không có nghĩa như đây. Vì sao? Vì nhân đồng loại này do quả đẳng lưu, nói là có quả. Quả này, nếu ở vị lai, sẽ không giống nhau, vì không có trước, sau. Nếu đã sinh, thì khi chưa sinh, không nên thành đẳng lưu, như quá khứ đối với hiện tại. Chớ dùng trước quả, sau nhân, nên không có nhân đồng loại ở vị lai.

Nếu vậy, nhân của quả báo ở vị lai cũng sẽ không thành nhân. Vì sao? Vì quả quả báo này, nếu ở trước nhân, hoặc đều cùng có với nhân, đều không phải đạo lý, nên ở trong vị lai sẽ không có trước, sau. Nghĩa này không hợp lý. Vì sao? Vì nhân đồng loại, nếu không có trước, sau, thì sự tương tự của pháp này sẽ trở thành nhân đồng loại đối với pháp tương tự.

Lại, vì làm nhân lẫn nhau, nên lại hỗ tương đẳng lưu. Lối chấp này trở thành là nghĩa đẳng lưu lẫn nhau. Nghĩa này cũng không thích hợp với đạo lý, vì nhân của quả báo không như vậy. Nếu là trước, sau, cũng không thể lập làm nhân quả lẫn nhau, vì tương nhân quả khác. Thế nên, phần vị của nhân đồng loại được thành, tương của nhân quả báo được thành.

Vì thế nên nếu ở vị lai, thì sẽ không thể ngăn cấm ở trước.

Đã nói đồng loại, nghĩa là ở địa mình, căn cứ vào pháp nào mà có quyết định này?

Chỉ căn cứ ở hữu lưu để thực hiện quyết định ấy.

Nếu vô lưu thì sao?

Kệ nói:

*Lại cùng nhau
Có đạo chín địa.*

Giải thích: Nghĩa của nhân đồng loại, được lưu truyền đến không phải địa đạt đến, mà là ở định trung gian, định bốn sắc, định ba Vô sắc, ở đạo đế của chín địa này. Lại làm nhân đồng loại lẫn nhau. Vì sao? Vì đạo này là khách đối với chín địa, nên không thuộc về cõi Vô sắc kia. Địa kia, vì còn tham ái, nên không thể nhận lấy địa này làm cảnh của mình. Thế nên, nếu pháp đồng loại, thì dù địa không đồng, nhưng vẫn được tạo ra nhân đồng loại.

Nhân đồng loại này sinh ra quả của phẩm nào?

Kệ nói: Ở quả hơn, bằng nhau.

Giải thích: Đây là nhân quả phẩm thượng, phẩm bằng nhau, không phải nhân quả của phẩm hạ. Như khổ pháp trí nhãn là nhân đồng loại của khổ pháp trí nhãn ở vị lai. Hoặc là đạo của phẩm thượng, cho đến là nhân đồng loại của trí vô sinh. Nếu trí vô sinh chỉ là nhân của trí vô sinh vì không có phẩm thượng khác, nên đạo Vô học của kiến, tu là nhân đồng loại của ba, hai, một. Trong đây, đạo của căn chậm lụt. Đạo của căn nhạy bén chỉ là nhân của đạo căn nhạy bén, như tín, hạnh, tín giải thoát, đạo của thời giải thoát, hoặc là hai nhân của sáu, bốn, pháp hành, kiến chí, đạo của phi thời giải thoát, hoặc là nhân của ba, hai, một.

Thế nào là đạo của địa dưới đối với đạo của địa trên, hoặc bằng nhau, hoặc trội hơn?

Một, do căn, hai, do nhân tăng trưởng. Trong đây, phẩm hạ hạ của kiến đạo v.v..., đều ở sau sau, do nhân tăng trưởng vượt trội hơn. Nếu đạo pháp hành, tín hạnh ở trong một sự nối tiếp nhau, không được đều cùng có. Nếu đã sinh thì làm nhân cho chưa sinh, vì chỉ đạo làm nhân đồng loại của quả trội hơn, bằng nhau, hay vì còn có pháp khác, pháp thế gian cũng vậy?

Kệ nói: Đắc của học, đối với hai cũng thế.

Giải thích: Không chỉ pháp vô lưu là nhân đồng loại của quả trội hơn, bằng nhau. Pháp hữu lưu của đắc học, đối với hai quả cũng thế. Hoặc là nhân đồng loại của quả bằng nhau, hoặc là nhân đồng loại của quả trội hơn, không phải nhân của loại phẩm hạ.

Đắc học này là pháp gì?

Kệ nói: Các pháp như văn, tư.

Giải thích: Pháp này do gia hạnh được, nghĩa là đức nghe, đức tư duy, đức tu là nhân quả của phẩm trội hơn, phẩm bằng nhau, không phải nhân của phẩm dưới. Như văn tuệ cõi Dục là nhân của văn, tư, tuệ

cõi Dục. Nếu tư tuệ chỉ là nhân của tư tuệ, vì không có tuệ, nên văn tuệ cõi Sắc là nhân của văn tuệ, tu tuệ, vì không có tư tuệ. Nếu tu tuệ chỉ là nhân của tu tuệ, thì đều có sự khác biệt của chín phẩm, nên phẩm hạ hạ cuối hết là nhân của tất cả tám phẩm bằng nhau của trung hạ.

Đạo lý như đây, pháp sinh đặc thiện, tất cả đều có chín phẩm: trước là nhân đồng loại của sau, pháp nhiệm ô cũng thế. Nếu vô phú vô ký có bốn thứ, nghĩa là sự sinh của quả báo, tương ứng oai nghi, xứ công xảo, tâm biến hóa, có chung bốn thứ này. Thứ lớp là nhân đồng loại của bốn, ba, hai, một. Tâm biến hóa ở cõi Dục là quả của bốn định. Trong đây là quả định của địa trên, không phải là nhân đồng loại của quả định nơi địa dưới. Vì sao? Vì nhân đồng loại được tạo nên do công sức. Không có đạo lý nào lại dùng loại dưới làm quả. Ví như xá-lợi, lúa tẻ, lúa mì v.v... Đừng tạo ra công sức không có quả. Thế nên, các sư nói lên lời này: Nếu vô lưu đã sinh, thì có thể được, không phải chưa sinh nhân vô lưu, không có, như đã sinh khổ pháp trí, đối với khổ pháp trí nhân chưa sinh. Tất cả trội hơn đối với sự thua kém không phải là nhân đồng loại, mà trước kia đã được, không có pháp vô lưu, quyết định ở trong một nối tiếp nhau đối với vô lưu của sự sinh sau, có thể không phải là nhân không có, nghĩa là khổ pháp trí nhân vị lai đối với khổ pháp trí. Vì sao? Vì quả không phải trước kia.

Lại, vì vị lai. Không có nhân đồng loại, nên pháp vô lưu đã sinh trước kia, đối với pháp vô lưu đã sinh ở sau, có thể chẳng phải là nhân không có, nghĩa là pháp trội hơn đối với loại phẩm hạ. Như đã lùi lại quả trên, hiện chứng quả dưới.

Lại nữa, đặc đạt đến của khổ pháp trí, về sau, người nhập quán của sát-na sau đã được đặc đạt đến của khổ pháp trí nhân, vì loại phẩm hạ.

Đã thuyết minh về nhân đồng loại xong.

Kệ nói:

Nhân tương ứng, tướng nào

Đó là tâm, tâm pháp.

Giải thích: Tụ chung của cả tâm và tâm pháp, được gọi là nhân tương ứng.

Nếu vậy, có sự nối tiếp nhau riêng, sinh tâm, tâm pháp, lại tương ứng lẫn nhau, sẽ trở thành nhân tương ứng?

Nghĩa này không hợp lý, vì nếu một tướng, một cảnh, thì sẽ được thành nhân tương ứng.

Nếu vậy, sẽ đồng với lỗi lầm trước, như đồng một thời điểm trở

thành nhân tương ứng?

Nếu vậy, đối với sự nối tiếp nhau riêng, sinh tâm, tâm pháp, nên trở thành nhân tương ứng, như mọi người cùng nhìn thấy chung mặt trăng mới mọc v.v... Thế nên, kệ nói: Đồng nương tựa.

Giải thích: Nếu những người kia đồng nương dựa lẫn nhau sẽ được gọi là nhân tương ứng. Đồng, nghĩa là không khác, như sát-na của nhãn căn có thể làm chỗ nương tựa cho nhãn thức, cũng tạo ra chỗ nương tựa là tâm pháp thọ v.v... tương ứng với nhãn thức, cho đến sát-na ý căn đối với ý thức và pháp tương ứng của ý thức. Nghĩa nương tựa cũng thế.

Nhân tương ứng tức là nhân câu hữu.

Nghĩa nào được lập làm nhân câu hữu? Nghĩa nào được lập làm nhân tương ứng?

Thí dụ như đồng tông chỉ, vì hỗ tương có sức, nên được đi đường, nhân câu hữu cũng thế. Do năm thứ bình đẳng, vì đồng chung công việc đã làm, nên lập nhân tương ứng. Ví như đồng tông chỉ đồng chung sự cần dùng: uống ăn, tiền của v.v... Thế nên được thực hiện, qua đó, nếu tách rời một, thì tất cả sẽ không tương ứng. Thế nên, hai nhân này với thể của chúng có khác.

Đã thuyết minh về nhân tương ứng xong. Tướng của nhân biến hành thế nào?

Kệ nói:

Nhân nhiệm ô biến hành

Biến hành trước địa mình.

Giải thích: Địa mình trước đây có các pháp, nếu khắp có trong xứ có thể vận hành nơi pháp nhiệm ô của đời sau, thì lập làm nhân biến hành. Pháp biến hành này (Sẽ nói trong phẩm phân biệt Hoặc ở sau), do làm nhân chung của tất cả pháp nhiệm ô, nên lia nhân đồng loại, lập riêng nhân này, có thể là nhân nhiệm ô của bộ khác.

Do oai lực của nhân biến hành kia, nên các hoặc của bộ riêng cũng được tăng trưởng.

Pháp nhiệm ô của Thánh nhân cũng lấy biến hành làm nhân không?

Sư nước Kế Tân thuyết minh: Tất cả pháp nhiệm ô, hoặc, đối tượng diệt của kiến đế là nhân. Vì sao thế? Vì ở Luận Phân Biệt đạo lý nói: Pháp nào do kiến đế đã diệt hoặc làm nhân? Các pháp nhiệm ô và quả báo pháp do kiến đế đã diệt. Pháp nào dùng vô ký làm nhân? Tất cả pháp hữu vi vô ký và các ác. Pháp hữu lấy khổ làm nhân, dùng thân

kiến làm nhân.

Chẳng phải là nhân của thân kiến không?

Thuyết minh rộng như luận kia, cho đến nói: trừ thân kiến và các pháp khác: Pháp nhiễm ô của sinh lão trụ diệt, sở hữu và khổ đế.

Nếu vậy, làm sao hợp giải thích văn của luận Giả Danh? Luận kia nói: Có pháp bất thiện, chỉ bất thiện làm nhân. Không có, nếu Thánh nhân lùi lại sự lia đục, tức ý nhiễm ô của cõi Dục, đầu tiên khởi hiện tiền.

Căn cứ ở nhân chưa diệt để nói lời này: Vì sao? Vì kiến đế, hoặc là nhân này đã diệt, thế nên không nói.

Đã nói nhân biến hành xong. Tướng của nhân quả báo thế nào?

Kệ nói:

Nhân quả báo chẳng thiện

Kể cả thiện hữu lưu.

Giải thích: Tất cả ác và pháp thiện hữu lưu, là nhân của quả báo. Vì quả báo là pháp, thế nên vô ký không thể tạo ra quả báo, vì không có công sức. Vì như hạt giống đã cũ, mục.

Nếu vậy, vì sao vô lưu không sinh quả báo?

Vì không phải bị thấm nhuần do tham ái. Ví như hạt giống chắc thật nguyên vẹn, không có chất thấm nhuần ẩm ướt. Pháp vô lưu này không hệ thuộc ba cõi.

Thế nào là khả năng sinh thuộc về quả báo của ba cõi?

Vì các pháp khác có hai thứ, nên có khả năng sinh quả báo. Ví như hạt giống chắc, nguyên vẹn có chất ẩm ướt thấm nhuần.

Tên gọi này làm sao có thể biết? Là nhân thuộc nhà quả báo hay quả báo là nhân?

Nếu vậy thì đâu có?

Nếu vì chấp nhân của nhà quả báo, tức nên nói là nhân của quả báo, quả báo sinh ra mắt, thì văn này không nên thành lập. Nếu chấp quả báo làm nhân, là quả báo của nghiệp thì văn này cũng không thành. Hai pháp này đều được thành, đã thuyết minh ở trước.

Lại nữa, quả báo là nghĩa gì?

Vì thành thực không tương tự nên gọi là báo. Vì sao? Vì ở cõi Dục, có thời điểm là nhân của quả báo của một ấm, một quả, nghĩa là đắc đạt đến sinh v.v..., có hai ấm một quả, nghĩa là nghiệp thân, khẩu sinh v.v..., có bốn ấm một quả, nghĩa là tâm, tâm pháp thiện, ác sinh v.v... Ở cõi Sắc có nhân của quả báo của một ấm, một quả, nghĩa là đắc đạt đến và định vô tướng sinh v.v..., có hai ấm một quả, nghĩa là biểu sắc

của sơ định sinh v.v..., có bốn ấm một quả nghĩa là tâm thiện phân tán, sinh v.v..., có năm ấm một quả, nghĩa là tâm định sinh v.v... Ở cõi Vô sắc có một quả, nhân của quả báo của một ấm, nghĩa là đắc đạt đến, định diệt tâm, sinh v.v..., có một quả, bốn ấm, nghĩa là tâm, tâm pháp thiện sinh v.v...

Lại nữa, có nghiệp, nghiệp này chỉ một pháp nhập làm quả báo, nghĩa là mạng sống làm quả báo. Nếu nghiệp cảm quả báo của ý nhập, thì nghiệp này sẽ sinh hai nhập làm quả báo, nghĩa là ý nhập, pháp nhập. Như đây, nếu nghiệp chiêu cảm quả báo của xúc nhập thì cũng vậy. Nếu nghiệp cảm quả báo của thân nhập, tất nhiên, nghiệp này sẽ sinh ba nhập làm quả báo, nghĩa là tâm, xúc và pháp nhập. Như đây, sắc, hương, vị, cũng thế. Nếu nghiệp cảm quả báo của nhãn căn, thì nghiệp này sẽ sinh, bốn nhập làm quả báo, nghĩa là nhãn, thân, xúc, pháp nhập. Như đây, nhĩ, tỷ, thiệt cũng thế.

Có nghiệp cảm quả báo của năm, sáu, bảy, tám, chín, mười, mười một nhập. Vì sao? Vì nghiệp có hai thứ: có nhiều nghiệp, một quả báo, có một nghiệp, nhiều quả báo. Ví như hạt giống ngoài có nhiều thứ quả, có một thứ quả. Nhiều thứ quả, ví như sen, thạch lựu, nặc-cù-đà v.v... một thứ quả: Ví như lúa tẻ, lúa mì v.v... Nghiệp một đời, quả báo thành thực của ba đời, có lý này, nghiệp ba đời, quả báo một đời thành thực, thì không có lý này.

Chớ cho, quả diệt nhân, nghiệp của một sát-na như đây, với quả báo của nhiều sát-na, nghĩa này không thể không đúng. Không được quả báo thành thực đồng thời với nghiệp, cũng không gián đoạn mà theo thứ lớp thành thực. Vì sao? Vì sát-na thứ lớp, vì được dẫn dắt do thứ lớp duyên. Quán nhân của quả báo, theo sát-na thứ lớp nối tiếp nhau, sau cùng mới thành thực.

Lại nữa, sáu nhân này được quyết định ở đời nào? Sự quyết định đời của nhân kia do nghĩa đã rõ, chưa dùng văn để thuyết giảng. Thế nên, cần phải lập lại lời nói để giải thích.

Kệ nói: Biến hành, đồng loại, hai đời.

Giải thích: Hai nhân này, nếu ở quá khứ, hiện tại, thì sẽ thành nhân, nếu ở vị lai thì không thành nhân. Về mặt đạo lý, có thể chứng nghĩa này như trước đây đã nói.

Kệ nói: Ba đời, ba.

Giải thích: Nhân câu hữu, nhân tương ứng, nhân quả báo, ba nhân này đều có ba đời. Nhân tùy tạo không nói đời nhất định. Thế nên, cần phải biết chung cho cả ba đời và không có đời.

Đã thuyết minh sáu nhân xong. Pháp nào là quả? Căn cứ ở đây, ở kia thành nhân.

Kệ nói: Quả trạch diệt hữu vi.

Giải thích: Những gì là pháp quả? Tất cả pháp hữu vi và trạch diệt, văn của Tạng A-tỳ-đạt-ma là như đây.

Nếu vậy, pháp vô vi vì do quả, nên có nhân. Nếu pháp do đây làm quả thì pháp này sẽ trở thành nhân, tức lẽ ra chiêu cảm quả. Nếu pháp hữu vi thì có thể lập nhân quả, kệ nói: Vô vi không phải nhân quả.

Giải thích: Pháp vô vi không thể được lập làm nhân quả. Vì sao? Vì không phải sáu nhân, vì không phải năm quả.

Thế nào là không thừa nhận Thánh đạo là nhân tùy tạo của trạch diệt?

Do không thể ngăn ngừa việc phải khởi pháp sinh, thành thử lập pháp này làm nhân tùy tạo, còn vô vi không có sinh. Thế nên, ở vô vi không trở thành nhân.

Nếu vậy, là quả của pháp nào? Thế nào là quả?

Là quả của đạo. Do đạo lực mà đạt được (đắc).

Nếu vậy, chỉ đắc đạt đến là quả đạo, và đạo có công năng đối với đắc đạt đến, nên trạch diệt thì không phải có nghĩa riêng. Thánh đạo có công năng đối với đắc đạt đến, có nghĩa riêng đạo có công năng đối với trạch diệt, công năng đối với đắc đạt đến làm sao có thể khiến cho sinh, công năng đối với trạch diệt, sao có thể làm cho đắc đạt đến? Thế nên, Thánh đạo không phải hoàn toàn là nhân đối với trạch diệt, trạch diệt không phải hoàn toàn là quả đối với Thánh đạo, mà có thể là quả tăng thượng.

Vô vi trở thành nhân tùy tạo là sao?

Vì không ngăn cản sự sinh của người khác, nên thành lập nhân tùy tạo. Pháp này không có quả. Pháp giải thoát không có nhận lấy quả, cho quả, vì lẽ không có công năng.

Vì lẽ gì Phật, Thế Tôn không từng nói vô vi là nhân?

Do nghĩa riêng, cũng nói là nhân. Sư Kinh bộ thuyết minh như thế này: Sao nói nhân này, duyên này có thể khiến cho sắc sanh, đều là vô thường? Nếu sắc nương tựa nhân duyên vô thường sinh, thì sắc này làm sao được thường trụ? Cho đến thức cũng vậy?

Nếu vậy, pháp vô vi không nên thành cảnh tức đối tượng duyên của thức, do quyết định chủ thể sinh đều là vô thường. Nghĩa ấy tự đạt đến. Nhân này, duyên này có khả năng khiến cho thức sinh, đều là vô thường. Do đấy, quyết định nói đối tượng duyên của thức này cũng là

vô thường. Không thuyết minh như đây. Thế nên, đối tượng duyên của thức có thường, vô thường, nghĩa này tự đạt đến.

